

Bản án số: 08/2021/DS-PT

Ngày 25-01-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
hủy hợp đồng cho thuê mặt bằng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2020/TLPT-DS ngày 03/11/2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng cho thuê mặt bằng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2020/QĐPT-DS ngày 24/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Văn phòng Luật sư T – số 467/9, khu phố 1, phường P, thành phố T tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Hà T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1934; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 6, ấp V1, xã V2, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Đỗ Đăng B1, sinh năm 1968;

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972;

8. Bà Đỗ Thị Thanh T5, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

9. Bà Trần Thị T6, sinh năm 1971;

10. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1988;

11. Bà Lê Thị L, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương.

12. Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Đức V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đức T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, qua các buổi hòa giải và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày: Vào năm 1988, ông C còn ở chung với cha mẹ là ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị N; cha mẹ cho ông C phần đất diện tích $10\text{m} \times 87,3\text{m} = 873\text{m}^2$ (đo đạc thực tế 850m^2) tọa lạc tại ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/5/2000, ông C được Ủy ban nhân dân (viết tắt CƠ QUAN U) huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: 00228 QSDĐ/PG thửa đất số 300 (diện tích 873m^2 , có 400m^2 đất ở), tờ bản đồ số 19, trên đất có 01 căn nhà của cha mẹ xây từ trước. Vào năm 2016, ông C giao cho ông V quản lý để cho người khác thuê, ông V cho cháu là Nguyễn Thị Hà T1 thuê (hiện nay bà T3 cho 03 người khác thuê lại). Nay ông C muốn lấy lại đất cho người khác thuê để có tiền nuôi mẹ (bà N) nhưng ông V không đồng ý. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu ông V, bà

T3 phải trả lại diện tích đất nêu trên và yêu cầu huỷ hợp đồng thuê đất giữa ông V và bà T3.

Tại bản tự khai, qua các buổi hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức V trình bày: Ngày 02/8/2000, ông Nguyễn Đức C1 già yếu nên có triệu tập Hội đồng hương đến nhà ông C1 và nói cho ông C phần đất có quán giáp đường ĐT 741, diện tích ngang 07m và dài khoảng 14m; các anh em trong nhà ký tên vào biên bản họp gia đình (họp gia đình mời đồng hương đến chứng kiến) nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông V chỉ biết là cha mẹ ông cho ông C diện tích nêu trên, còn cho toàn bộ thửa đất số 300 (diện tích 873m²) thì ông không biết.

Cha mẹ ông V cho đất 07 anh em giáp đường nhựa, trong đó 03 người con tên V, T1, T2, mỗi người 06m ngang, dài 30m đất giáp đường bê tông chợ (phía sau đất); hiện tại 03 người đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất 300 ông C tranh chấp, ông V không biết nằm ở đâu, chỉ biết phần đất tranh chấp đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N (diện tích còn lại là 1.263m², trên đất có nhà cũ của cha mẹ xây năm 1998).

Các anh em ủy quyền cho ông V đứng ra cho bà T3 mượn đất (hợp đồng thuê đất là 05 năm, giá 800.000 đồng/tháng, nay tăng lên 1.500.000đ/tháng), số tiền này ông V không sử dụng mà để cho mẹ (bà N) chi tiêu và làm đám giỗ...Do đó, ông V không đồng ý với yêu cầu huỷ hợp đồng thuê đất của ông C.

Tại bản tự khai, qua các buổi hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Hà T1 trình bày: Bà T3 là cháu trong gia đình; ngày 10/10/2016, bà T3 có thuê đất và làm hợp đồng thuê với ông Nguyễn Đức V, thời hạn là 05 năm với giá thuê 800.000 đồng/tháng, đầu năm 2018 giá thuê tăng lên 1.000.000/tháng. Về việc tranh chấp đất, bà T3 không có ý kiến, chỉ mong muốn được thuê đất cho đến khi hết hợp đồng.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về nguồn gốc đất, năm 1988 các con khác đã trưởng thành có nhà riêng, còn ông C chưa có vợ nên ở với vợ chồng bà, do đó vợ chồng bà cho con Nguyễn Đức C diện tích đất 850m² tọa lạc tại ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây năm 1988 để ông C thờ tự ông, bà tổ tiên. Năm 2000, ông C được cơ quan U huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được cho, không ai tranh chấp. Vợ chồng bà có 07 người con và đã chia cho đủ 07 người con ở phần mặt đường từ ngã tư B4 đi vào chợ P1; còn phần đất sau nhà, bà cũng cho thêm ông T1, T2, V, mỗi người 06m ngang, dài 30m. Nay, ông C yêu cầu ông V trả đất và huỷ hợp đồng cho thuê đất, bà đồng ý với yêu cầu của ông C và mong muốn Tòa án giải quyết cho ông C diện tích đất nêu trên đúng theo nguyện vọng của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T3 trình bày: Ông thống nhất ý kiến của bị đơn, không bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2 trình bày: Ông thống nhất ý kiến của bị đơn ông V, không bổ sung gì.

Tại bản tự khai và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Năm 1980, gia đình bà từ Hà Nam vào xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương xây dựng kinh tế mới. Năm 1980, ông Tường đã lập gia đình ra ở riêng; năm 1983, ông Thành lập gia đình ra ở riêng. Năm 1984, ông V đón vợ con ngoài quê vào cũng ra ở riêng. Việc ông C được cho đất là ý nguyện của cha mẹ, bà đồng ý, không thắc mắc gì. Năm 2000, ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tới nay; việc cho đất là quyền riêng của cha mẹ không liên quan gì đến ông T1, ông T2, ông V.

Tại bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Đăng B1, bà Đỗ Thị Thanh T5 trình bày: Bà là em của ông C, ông V; trước năm 1999, bà cùng chồng là Đỗ Đăng B1, con Đỗ Thị Thanh T5 nhập hộ khẩu chung với gia đình ông C; năm 2001, gia đình bà chuyển khẩu đến địa chỉ khu phố Đ, phường D, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương. Cha mẹ cho ông C toàn bộ diện tích của thửa số 300 thì bà không được chứng kiến nhưng có nghe cha mẹ nói việc cho đất và hiện tại ông C đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp trên, tôn trọng quyết định của cha mẹ. Những người anh khác như ông T1, ông T2, ông V, mỗi người cũng đã được mẹ cho thêm 06m ngang, dài 30m đường chợ; ông C không được cho nữa là vì trước đó cha mẹ đã cho thửa đất số 300 rồi. Đề nghị ông V, ông T1, ông T2 tôn trọng ý nguyện của cha mẹ.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T6 trình bày: Bà là vợ ông C, bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Bà là người thuê diện tích đất từ bà T3 02m ngang, với giá 600.000 đồng/tháng, khi thuê bà tự làm nền xi măng và lợp mái tole để bán hàng, nếu huỷ hợp đồng giữa bà T3 và ông V thì bà có nguyện vọng được tiếp tục thuê lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: Bà là người thuê diện tích đất từ bà T3 - 4m ngang với giá 1.500.000 đồng/tháng, khi thuê bà tự làm nền xi măng và mái tole lợp để bán hàng, nếu huỷ hợp đồng giữa bà T3 và ông V thì bà có nguyện vọng được tiếp tục thuê lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H trình bày: Bà là người thuê diện tích đất từ bà T3 4m với giá 1.200.000 đồng/tháng, khi thuê bà tự làm nền xi măng và mái tole lợp để bán hàng, nếu huỷ hợp đồng giữa bà T3 và ông V thì bà có nguyện vọng được tiếp tục thuê lại.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức C đối với bị đơn ông Nguyễn Đức V về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và huỷ hợp đồng cho thuê mặt bằng”.

Ông Nguyễn Đức C được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 850m² thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp 1B, xã P1, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: 00228 QSDĐ/PG do cơ quan U huyện P cấp ngày 22/5/2000, có tứ cận:

Phía Đông giáp đường bê tông;

Phía Tây giáp giáp DT 741;

Phía Bắc giáp thửa 233;

Phía Nam giáp thửa 301.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

2. Huỷ hợp đồng thuê mặt bằng (giấy viết tay) ngày 10/10/2016 giữa ông Nguyễn Đức V với bà Nguyễn Thị Hà T1.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 23/6/2020, bị đơn ông Nguyễn Đức V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đức T2 kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đức C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Đức V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2, ông Nguyễn Đức T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Đức V trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau: Phiên tòa sơ thẩm ngày 29/11/2019, phía bị đơn yêu cầu đo đạc lại đất tranh chấp và được Tòa án chấp nhận nên phải tạm ngừng phiên tòa; tuy nhiên, khi có kết quả đo đạc, Tòa án không thông báo cho bị đơn biết mà triệu tập phiên tòa, do đó bị đơn xin hoãn phiên tòa và xin thay đổi Thẩm phán nhưng Tòa án không trả lời mà xét xử vắng mặt bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông T1, ông T2). Mặt khác, theo giấy tờ do ông C1 lập thì chỉ cho ông C “phần đất quán” nhưng ông C làm giấy tờ toàn bộ thửa đất số 300 bao gồm cả nhà thờ là không đúng; ông Nguyễn Đức L là con ông C1 không được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa ngày 29/11/2019 phía luật sư bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đo đạc lại phần đất tranh chấp, theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự thời hạn tạm ngừng phiên tòa không quá 01 tháng. Do hết thời hạn 01 tháng chưa có kết quả đo đạc, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định tạm đình chỉ là phù hợp. Sau khi có kết quả đo đạc, Tòa cấp sơ thẩm không thông báo cho các bên đương sự, khi mở lại phiên tòa ngày 27/5/2020, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phiên tòa ngày 29/11/2019 và phiên tòa ngày 27/5/2020 là liên tục nên xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư của bị đơn cung cấp Thông báo số 72/TA- VP ngày 16/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P về việc trả lời đơn xin thay đổi thẩm phán của luật sư bị đơn đã gửi cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ngày 25/5/2020 nhưng không được giải quyết theo đúng quy định mà vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định ông Nguyễn Đức L không liên quan đến quyền sử dụng đất tranh chấp này và không có ý kiến gì. Tuy nhiên cũng cần làm việc và lấy lời khai của ông Nguyễn Đức L để xác định rõ ý kiến của ông L về nội dung vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bị đơn và người liên quan là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/9/2019, tuy nhiên Tòa án hoãn phiên tòa nhiều lần với nhiều lý do khác nhau.

Ngày 29/11/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, sau khi tranh tụng Tòa án quyết định tạm ngừng phiên tòa trong thời hạn 30 ngày để đo đạc lại, làm rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có bị chồng lấn hay không; thời gian mở lại phiên tòa được ấn định vào ngày 27/12/2019.

Ngày 27/12/2019, Tòa án ban hành quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án để chờ kết quả đo đạc.

Ngày 15/01/2020, Tòa án tiến hành đo đạc lại đất tranh chấp.

Ngày 08/5/2020, Tòa án ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và triệu tập lại phiên tòa vào ngày 27/5/2020.

Tại phiên tòa ngày 27/5/2020, vắng mặt bị đơn (ông Nguyễn Đức V), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (luật sư Bùi Văn Tình) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T2, ông Nguyễn Đức T3); Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi nhận được bản án dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đức V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2 và ông Nguyễn Đức T3 kháng cáo; bị đơn kháng cáo cho rằng có yêu cầu đo đạc nhưng khi có kết quả Tòa án không công khai cho bị đơn biết...

[2] Xét thấy: Tại phiên tòa ngày 29/11/2019, bị đơn có yêu cầu hoãn phiên tòa để đo đạc lại; do đó, khi có kết quả Tòa án phải thông báo công khai cho bị đơn và các đương sự khác biết, Tòa án không thông báo là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Vụ án bị tạm ngừng để xác minh thu thập chứng cứ bổ sung, quá thời hạn 30 ngày mà chưa có kết quả thì Tòa án tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có kết quả xác minh thu thập chứng cứ, Tòa án ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 216 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên, thời gian tạm ngừng phiên tòa đã quá 30 ngày, đã tạm đình chỉ và sau đó quyết định tiếp tục xét xử lại vụ án...nên trình tự thủ tục xét xử vụ án phải thực hiện lại từ đầu. Tại phiên tòa ngày 27/5/2020, đương sự vắng mặt được xem như vắng mặt lần thứ nhất; Tòa án tiếp tục xét xử vụ án không có mặt đương sự là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã được cha mẹ cho toàn bộ thửa đất số 300, diện tích 873m²; tuy nhiên, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông C được cha mẹ cho “đất quán” (tức là đất có quán); bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn giải thích “đất quán” chỉ có diện tích 7m x 14m = 98m², không bao gồm đất có nhà thờ, trong khi thửa đất số 300 có nhà thờ trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề trên, vụ án còn có liên quan đến quyền thừa kế của ông Nguyễn Đức L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông L tham gia tố tụng.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

[3] Với những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đức T2.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đức T2.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức V, ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đức T2 không phải chịu. Chi cục T6 huyện P, tỉnh Bình Dương trả lại cho ông Nguyễn Đức V, ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đức T2 mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0043509 ngày 04/8/2020, 0043508, 0043510 cùng đề ngày 04/9/2020 của Chi cục T6 huyện P, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục T6 TP D;
- TAND TP D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa